

Bản án số: 69/2018/HS-PT.
Ngày 27-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngô.

Các Thẩm phán: 1/- Ông Lê Thanh Vũ.

2/- Bà Trương Tố Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Thích-Kiểm sát viên.

Trong ngày 27-11-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2018/TLPT-HS ngày 08-11-2018 đối với bị cáo Lê Thành T do có kháng cáo của bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 01-10-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thành T**, sinh năm 1990, trú tại Khóm H, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; cha Lê Thành T (s) mẹ Trần Thị S (s); Vợ Khuru Hồng D (Đã ly thân); Con Lê Thành H (04 tuổi); tiền án: Không; tiền sự: Có 4 tiền sự, gồm:

1. Ngày 05/10/2015 bị Công an phường M, thị xã N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

2. Ngày 29/12/2015 bị Công an phường M, thị xã N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi ném đồ vật vào nhà người khác.

3. Ngày 02/12/2016 bị Công an phường M, thị xã N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 300.000 đồng về hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác.

4. Ngày 04/5/2018 bị Công an phường M, thị xã N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Trong 04 lần xử phạt vi phạm hành chính nêu trên cho đến nay bị cáo vẫn chưa chấp hành xong quyết định xử phạt.

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác (ngày 7/6/2018 về tội cố ý hủy hoại tài sản). (có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn N – Luật sư Trợ giúp pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị cáo Nguyễn Trường H; Bị hại Trần Bá Q; Người làm chứng NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 7 giờ ngày 06/5/2018 công an Phường M, thị xã N phát hiện bị cáo Lê Thành T đang trực vớt mô tơ điện tại khu vực khóm H, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có dấu hiệu khả nghi nên mời về làm việc qua đó bị cáo T thừa nhận cùng với bị cáo Nguyễn Trường H thực hiện hành vi lấy trộm vào ngày 01/5/2018 tại khu vực lò sấy có bảng hiệu CTY TNHH MTV NÔNG SẢN do ông Trần Bá Q làm chủ hiện đã ngưng hoạt động và không có người trông coi tài sản, đồng thời bị cáo T khai nhận thêm lần trộm cắp ngày 03/5/2018. Quá trình điều tra, T và H đã thừa nhận những lần trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 11 giờ ngày 01/5/2018 T và H gặp nhau, H nói đi kiểm tiền xài thì T hiểu ý là đi trộm cắp tài sản tại CTY TNHH MTV NÔNG SẢN, H nói cái máy phát điện nặng lắm nên kêu T mang theo 01 xe kéo bằng kim loại, H thuê đò của ông NLC1 với giá 50.000 đồng. Ông NLC1 chạy đò đi theo hướng dẫn của H, khi đến lò sấy ông Q làm chủ sở hữu thì kêu ông NLC1 ghé vào bên lò sấy, rồi T và H chuyển xe kéo lên bờ. T và H xô hàng rào bằng lưới B40 vào trong, T thì kéo xe cùng H vào bên trong lò sấy tìm tài sản để lấy trộm. Cả hai cùng nhìn thấy mô tơ điện loại lớn, màu xám nằm trên nền xi măng, cả 02 cùng thống nhất lấy cái mô tơ này. Do mô tơ quá nặng không khiêng nổi nên đi xuống nhờ ông NLC1 lên cùng nâng mô tơ lên xe kéo, quá trình di chuyển mô tơ từ lò sấy ra đò do mô tơ nặng, khó di chuyển nên cả 02 làm rớt mô tơ xuống sông và không lấy lên được. Khi đó H và T yêu cầu ông NLC1 dùng đò neo về nhưng ông NLC1 không đồng ý nên H và T bỏ lại mô tơ ở dưới sông cả 02 cùng đi về, H trả tiền đò cho ông NLC1 30.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng 11 giờ ngày 03/5/2018 H và T gặp nhau tiếp tục đi lấy trộm tài sản tại lò sấy mà lần trước đã lấy trộm cái mô tơ, H và T cùng đi tìm đò để thuê thì gặp anh Nguyễn T1. H hỏi T1 “đi Cống đá chở đò về bao nhiêu tiền” T1 đòi 200.000 đồng. Sau đó cùng thống nhất thuê đò với giá 150.000 đồng. T1 chạy đò về hướng Cống đá khi đến nơi T1 ghé vào bên lò sấy. H và T đi lên vào bên trong lò sấy cùng khiêng sắt và máy hàn điện xuống đò, sau đó đi về. Trên đường về H kêu T1 chạy qua khóm S, phường M đến vừa thu mua phế liệu của

ông NLC2 ghé lại để bán. H và T đồng ý bán sắt cho NLC2 với giá 6.000 đồng/kg cân sắt được 95kg, khiêng máy hàn điện lên cân được 90kg máy hàn điện với giá 6.000 đồng/kg T không đồng ý bán và kêu chở về. NLC2 trả tiền đã mua sắt 95kg cho H là 570.000 đồng. H trả tiền đồ cho T1 170.000 đồng, H đi bộ về nhà, còn T thì đem máy hàn điện để trước sân miếu gần nhà T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày H gặp T đưa cho T 50.000 đồng là tiền bán sắt lấy trộm được, H giữ lại 350.000 đồng, T và H đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Lần 3: Khoảng 7 giờ ngày 06/5/2018 T gặp H rủ đi trực vớt mô tơ xuống sông nhưng H không đi, T liền gặp anh NLC3 nói mượn cái mô tơ nhưng rút xuống sông lấy lên bán được thì cho tiền xài nên NLC3 đồng ý. T liền mượn chiếc bè bằng thùng phi trên có ván gỗ và có gấn cào dùng để trực vớt. T và NLC3 chống bè qua sông đến chỗ lò sấy, T chỉ chỗ cái mô tơ dưới sông, đồng thời đưa dây cho NLC3 lội xuống sông để buộc vào mô tơ, còn T ở trên quay kéo mô tơ lên mặt nước, sau đó cả 02 cùng bè qua sông, lúc này cơ quan Công an Phường M phát hiện đến lập biên bản tạm giữ cái mô tơ đã trực vớt cùng với máy hàn điện để trước sân Bà T.

Theo kết luận định giá tài sản số 23/KL - HĐĐG, ngày 29/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã N, kết luận 95kg sắt đã qua sử dụng giá 6.000 đồng/kg tổng là 570.000 đồng và 01 máy hàn điện có giá trị 2.500.000 đồng x (100%-42,7%) tổng giá trị còn lại là 1.432.500 đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 24/KL - HĐĐG, ngày 30/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã N, kết luận 01 Mô tơ điện 40Kw giá 8.000.000 đồng x (100%-17,7%) tổng giá trị còn lại là 6.584.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 01-10-2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Trường H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/6/2018.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Lê Thành T (T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tuyên phạt bị cáo Lê Thành T 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/6/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Đến ngày 10-10-2018, bị cáo Lê Thành T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm án cho bị cáo với các lý do bị cáo gia đình khó khăn như nuôi con nhỏ, vợ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được Nhà tạm giữ Công an thị xã N xác nhận vào ngày 10/10/2018 theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 thì việc kháng cáo của bị cáo là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thành T như sau: từ ngày 01-5-2018 đến ngày 06-5-2018 bị cáo T và H đã cùng nhau trộm cắp tài sản tại khu vực lò sấy có bảng hiệu CTY TNHH MTV NÔNG SẢN do ông Trần Bá Q làm chủ hiện đã ngưng hoạt động cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 11 giờ ngày 01/5/2018 tại CTY TNHH MTV NÔNG SẢN, T và H lấy trộm mô tơ điện loại lớn, màu xám. Do mô tơ nặng, khó di chuyển nên cả 02 làm rớt mô tơ xuống sông và không lấy lên được. Tiếp đến 07 giờ ngày 6/5/2018 tiếp tục rủ bị cáo H trực vớt mô tơ thì bị cáo H không đi thì cáo tiếp tục thuê NLC3 đi trực vớt mô tơ bán lấy tiền tiêu xài thì NLC3 đồng ý và bị cáo cùng với NLC3 mượn chiếc bè qua sông trực vớt mô tơ thì bị bắt quả tang.

Lần 2: Vào khoảng 11 giờ ngày 03/5/2018 H và T lấy 95 kg sắt và máy hàn điện tại CTY TNHH MTV NÔNG SẢN. Theo kết luận định giá tài sản kết luận 95kg sắt đã qua sử dụng giá 6.000 đồng/kg tổng là 570.000 đồng; 01 máy hàn điện có giá trị còn lại là 1.432.500 đồng.

Lời thừa nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình xét xử sơ thẩm, lời khai của bị cáo H và các chứng cứ khác trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội vào ngày 06/5/2018 là phạm tội lần thứ 03 là không chính xác vì lần phạm tội ngày 01/5/2018 thì bị cáo cùng với bị cáo H đã lấy mô tơ ra khỏi công ty và rớt xuống sông. Như vậy, việc phạm tội này đã hoàn thành còn ngày 06/5/2018 thì bị cáo T lấy tài sản trên để tiêu thụ chứ không phải phạm tội lần thứ 03 như án sơ thẩm xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp sự việc phạm tội của bị cáo.

[3] Xét về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo T: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T như sau: Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo đã khai nhận ra hành vi phạm tội ngày 03/5/2018 nên thuộc trường hợp “tự thú”, bị cáo có trình độ học vấn thấp, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo đang phải nuôi con nhỏ 04 tuổi, người bị hại có đơn xin bãi nại theo quy định tại điểm h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo T và lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Cần rút kinh nghiệm về cách tuyên án đối với cấp sơ thẩm là bị cáo Lê Thành T bị giam trong vụ án khác, nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/6/2018 là không chính xác, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thành T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Lê Thành T.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thành T 01 năm 03 tháng (một năm ba tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án này.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thành T thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14.

4. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND thị xã N (02);
- VKSND thị xã N (01);
- CQĐT - Công an thị xã N (01);
- CQTHAHS-Công an thị xã N(01);
- Chi cục THADS thị xã N (01);
- Bị cáo, BH (02).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Ngô